

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2021/DS-ST

Ngày: 16-12-2021

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Tùng.

Ông Nguyễn Văn Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Khắc Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2021/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2021/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Duy P (Tên thường gọi: Nhâm), sinh năm 1981 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1959 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Nguyễn Duy P trình bày:

Do là chỗ quen biết nên anh P có cho bà Nguyễn Thị Kim T vay số tiền 60.000.000 đồng vào tháng 8 năm 2019. Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất 60.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả. Sau khi vay, bà T trả được 04 tháng tiền lãi thì ngưng. Đến ngày 25/7/2020, anh P yêu cầu bà T viết biên

nhận cho anh thể hiện số tiền nợ 60.000.000 đồng. Kể từ khi viết biên nhận cho đến nay, bà T vẫn chưa trả số tiền còn nợ cho anh P. Do đó, anh P khởi kiện yêu cầu bà T trả cho anh số tiền 60.000.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, anh P không có yêu cầu gì khác.

Theo biên bản lấy lời khai và quá trình tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Đầu năm 2020, bà T có vay của anh P số tiền 45.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 6%/tháng. Sau khi vay, bà T trả lãi liên tục đến tháng 7 năm 2020 thì ngưng. Anh P đã buộc bà T phải viết và ký tên vào biên nhận ngày 25/7/2020 với số tiền nợ là 60.000.000 đồng, nhưng thực tế số tiền này gồm 45.000.000 đồng nợ gốc và 15.000.000 đồng nợ lãi. Mặc dù vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của anh P, bà T vẫn đồng ý trả cho anh P số tiền 60.000.000 đồng nhưng xin được trả dần mỗi năm 6.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Ngoài ra, bà T không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn anh P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn bà T giữ nguyên ý kiến trình bày, đồng thời có yêu cầu miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông phát biểu về việc tuân theo tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự thực hiện đúng trình tự, quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh P, buộc bà T trả cho anh P số tiền 60.000.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Duy P: Anh P yêu cầu bà T phải trả cho anh số tiền vay còn nợ là 60.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, anh P đã cung cấp 01 Biên nhận ngày 25/7/2020 được viết trên giấy tập học sinh. Biên nhận thể hiện thông tin cá nhân của bà T và số tiền 60.000.000 đồng. Bà T thừa nhận biên nhận này do bà viết và ký tên vào. Cả anh P và bà T đều thống nhất giao dịch vay tiền giữa hai bên phát sinh trước ngày

25/7/2020, ngày này chỉ là ngày hai bên xác nhận lại việc có vay mượn tiền. Bà T cho rằng số tiền vốn của hợp đồng vay chỉ là 45.000.000 đồng, còn 15.000.000 đồng còn lại là tiền lãi chưa trả được cộng vào. Tuy nhiên, lời trình bày của bà T không được anh P thừa nhận. Mặt khác, đối với yêu cầu khởi kiện của anh P, bà T vẫn đồng ý trả cho anh P toàn bộ số tiền 60.000.000 đồng. Dựa theo các tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của các bên, Hội đồng xét xử xác định giao dịch vay tiền giữa anh P và bà T là có thật, anh P yêu cầu bà T trả số tiền 60.000.000 đồng là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về thời hạn thực hiện nghĩa vụ: Bà T yêu cầu được trả dần số nợ bằng cách trả dần, mỗi năm trả 6.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, nhưng không được anh P đồng ý. Xét việc xác định thời hạn thực hiện nghĩa vụ do các bên tự thỏa thuận. Việc bà T chậm thanh toán nợ là ảnh hưởng đến quyền lợi của bên có quyền do đó không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Xét thấy lãi suất các bên thỏa thuận khi vay cao hơn lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, anh P không có yêu cầu tính lãi liên quan hợp đồng vay, bà T không có yêu cầu đối với số tiền lãi đã trả nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của anh P được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, bà T là người cao tuổi có yêu cầu miễn nộp án phí nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

[6] Xét ý kiến và đề nghị của Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 235, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Duy P.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim T có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Duy P số tiền

60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí:

Bà Nguyễn Thị Kim T được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho anh Nguyễn Duy P số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.500.000 đồng, theo biên lai thu số 0008022 ngày 26/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thơm